

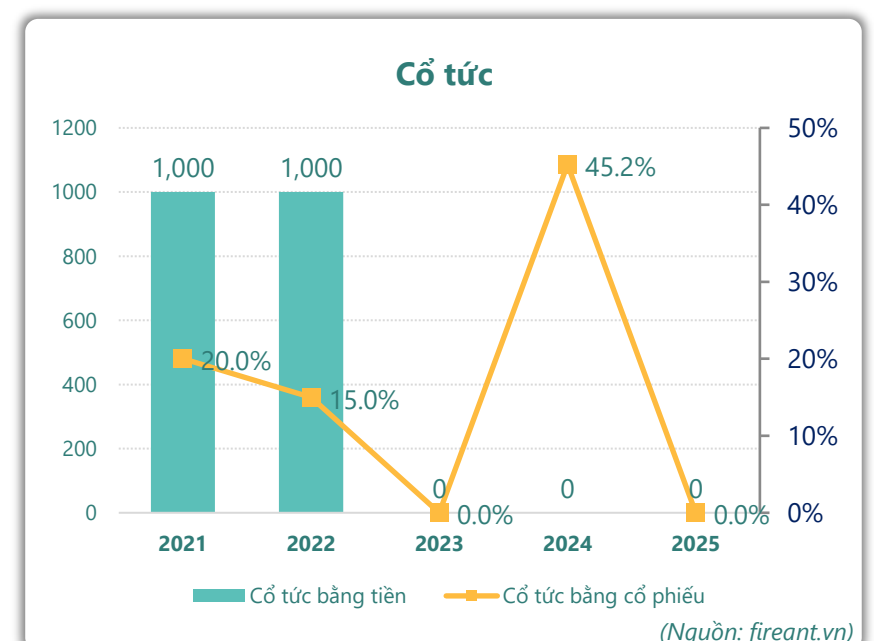
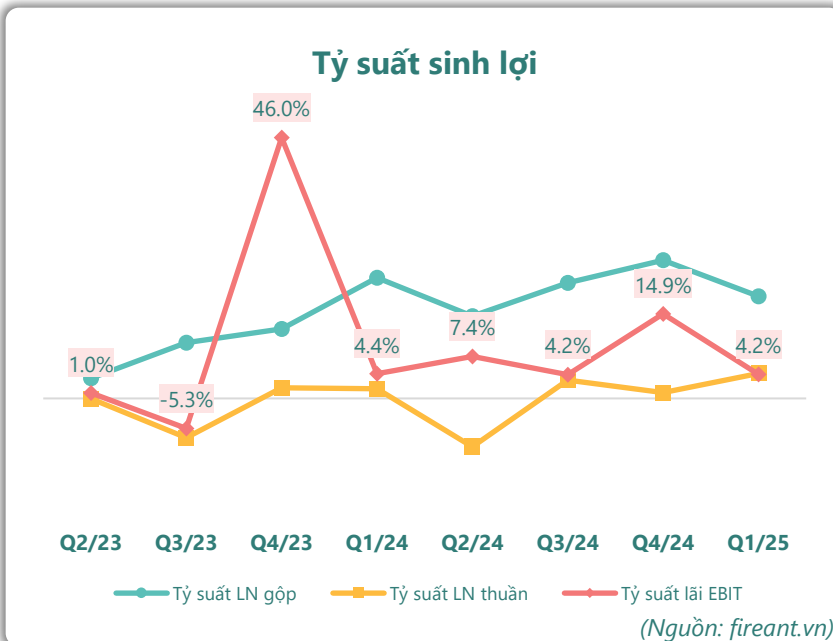
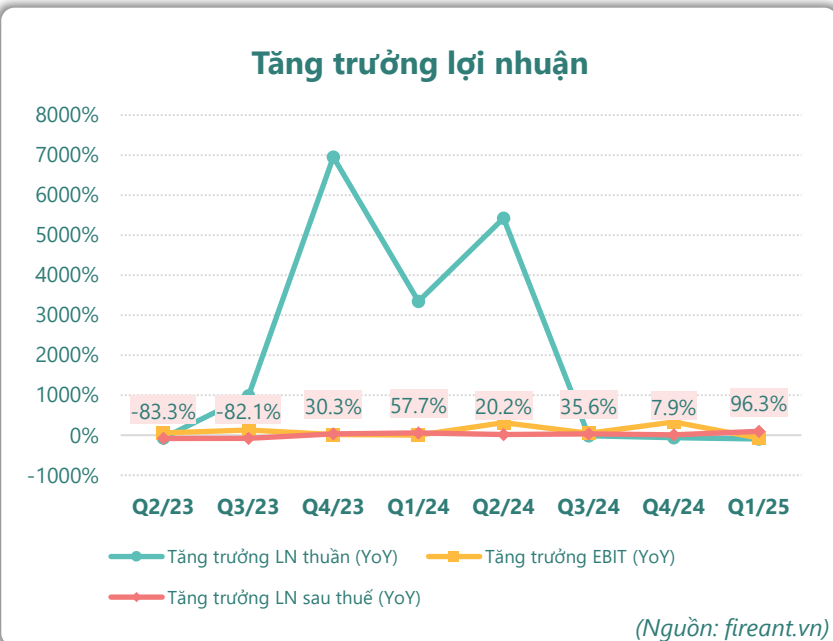
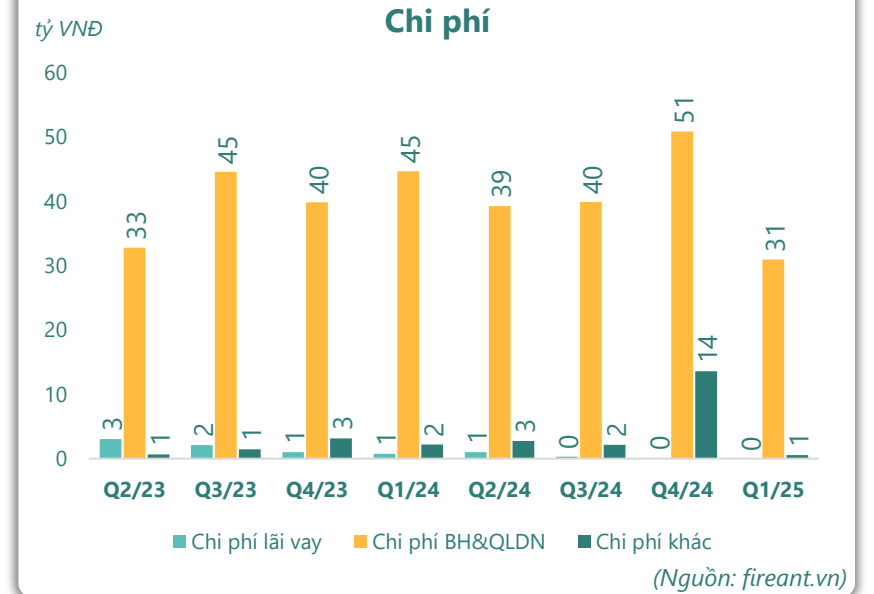
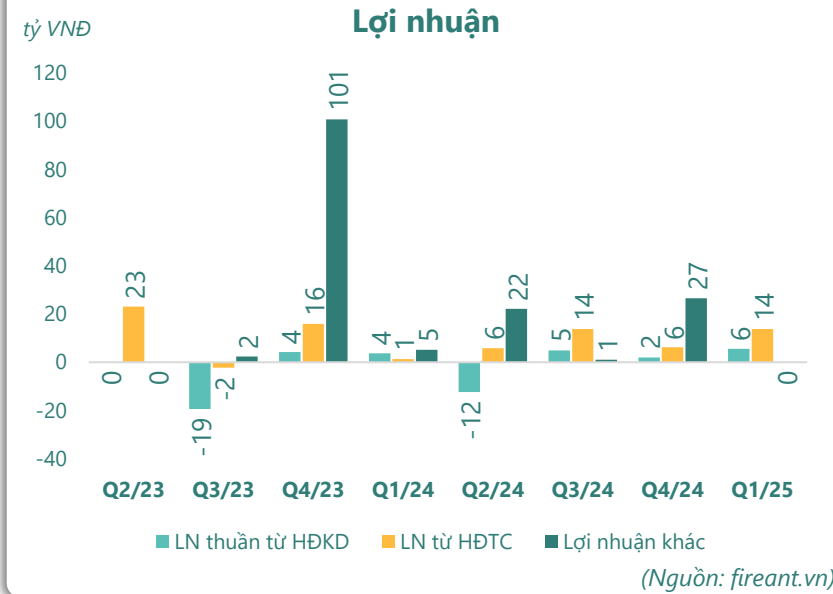
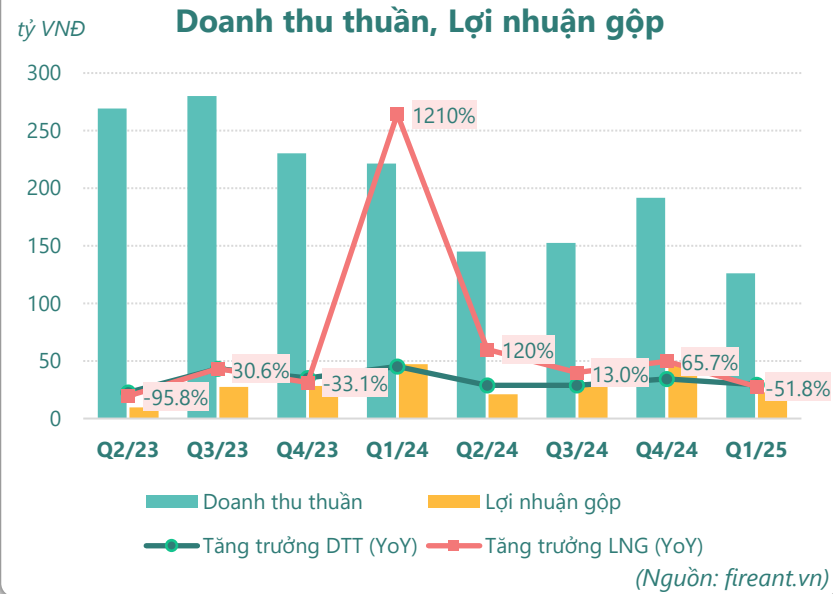
CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh

Cơ cấu cổ đông

Chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)
Khác	72.4%
Lê Hùng (Chủ tịch HĐQT)	8.9%
Lê Anh Thư	7.1%
Nguyễn Phương Đông	4.6%
Nguyễn Hữu Phúc (Thành viên HĐQT)	2.9%
Nguyễn Việt Hùng	4.2%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

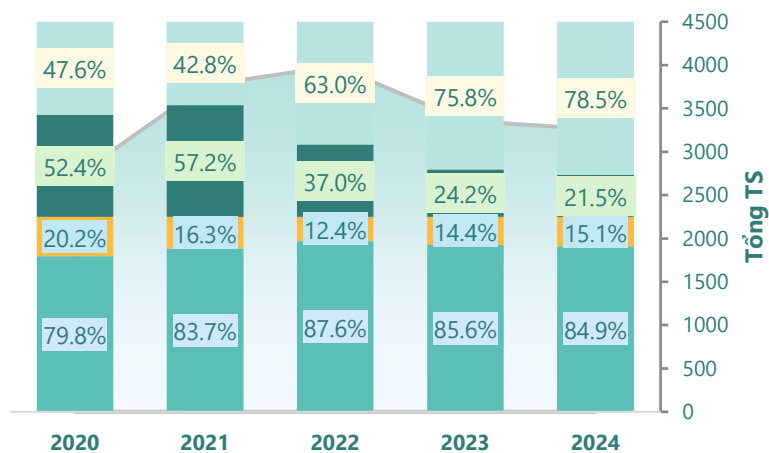




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

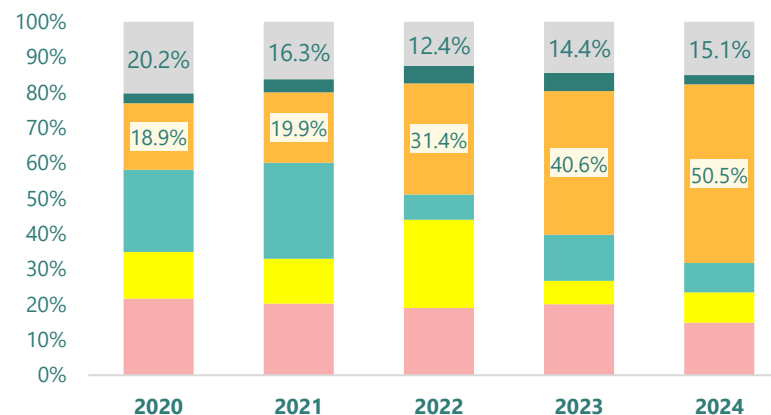
tỷ VNĐ



Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

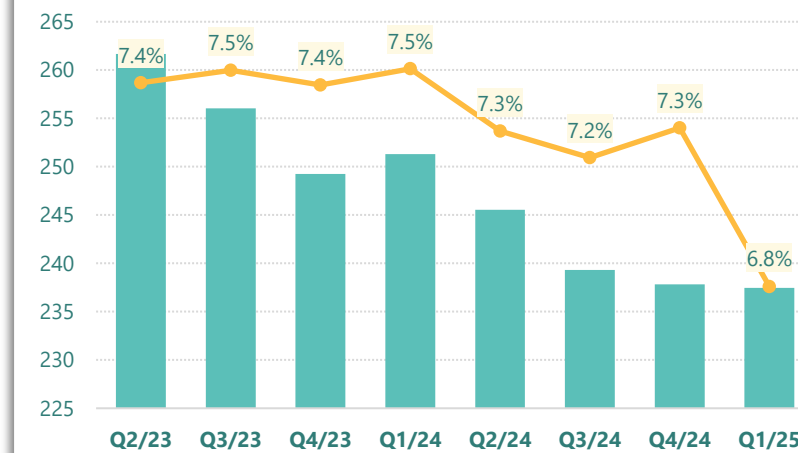
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

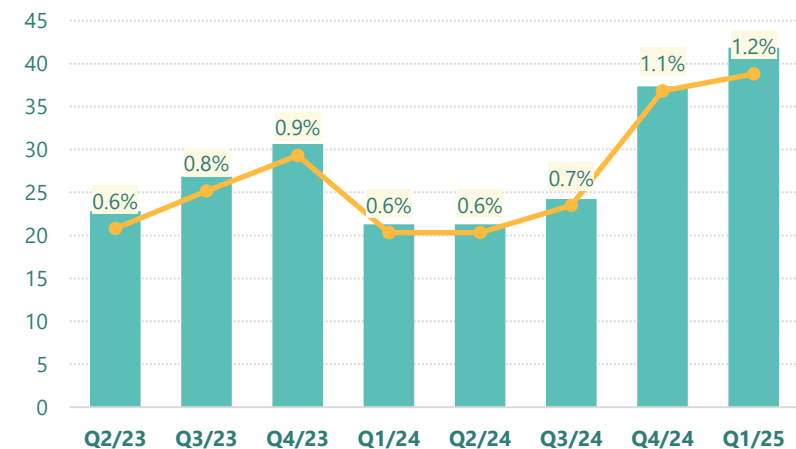
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

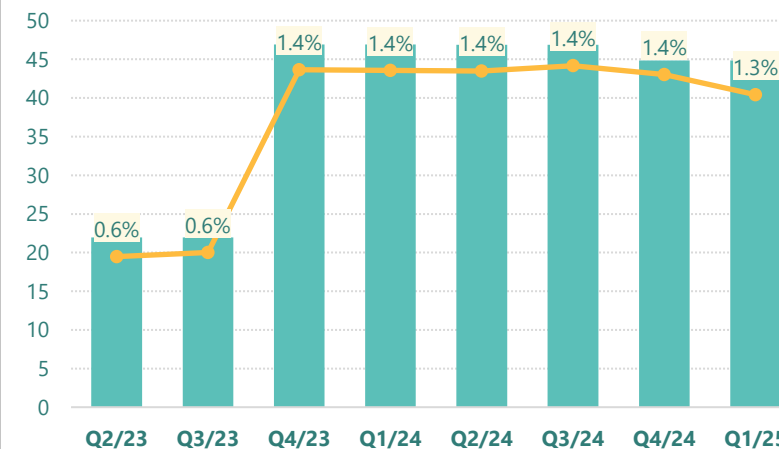
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

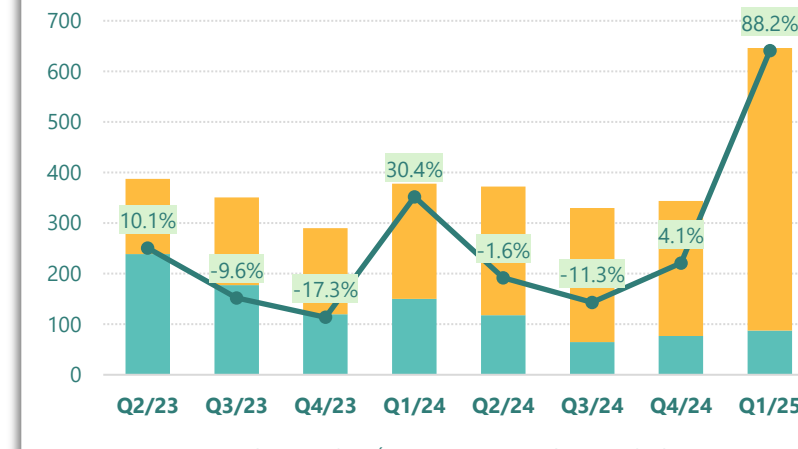
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

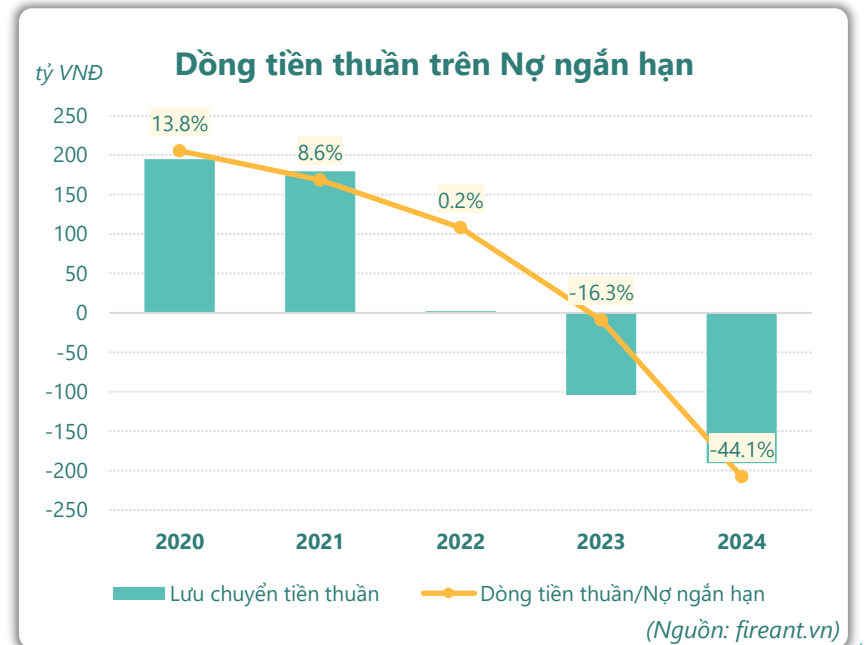
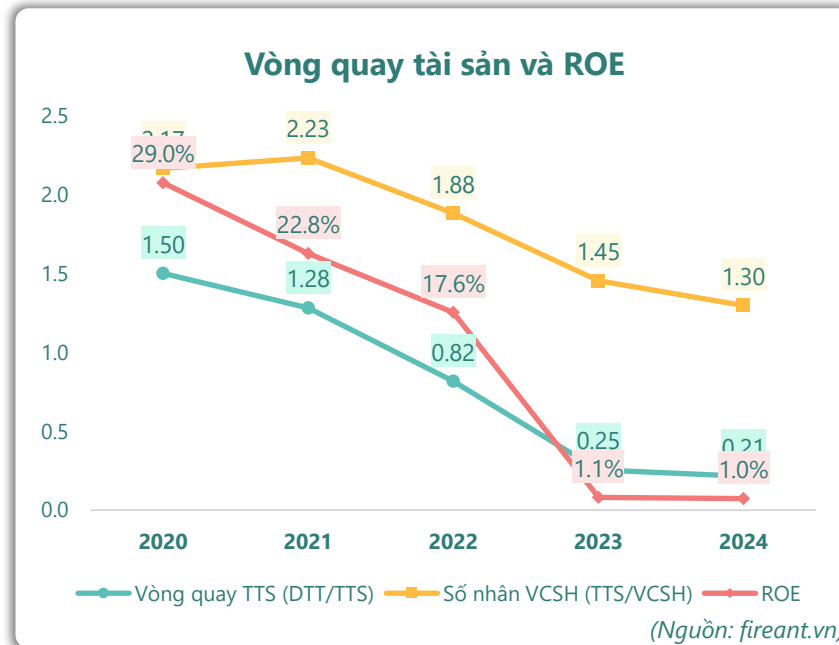
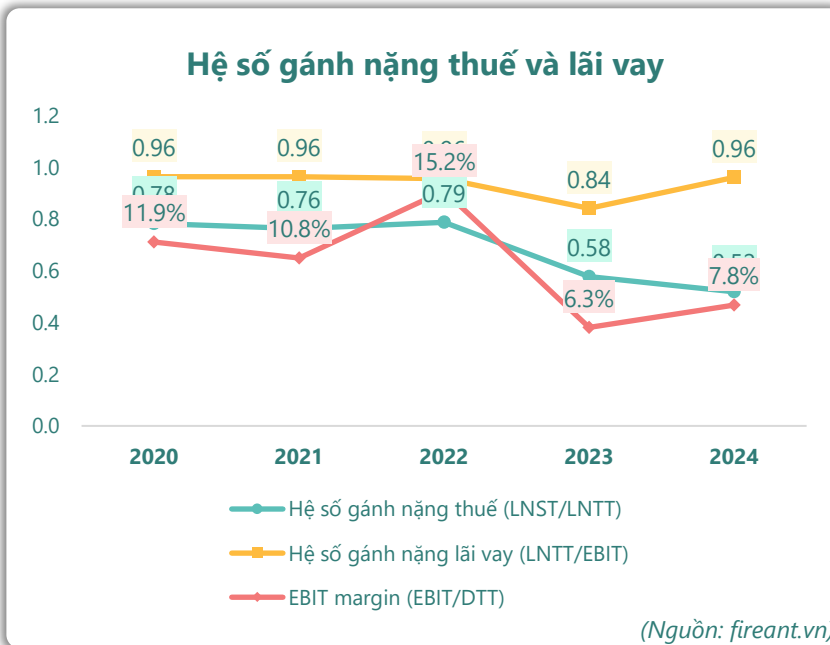
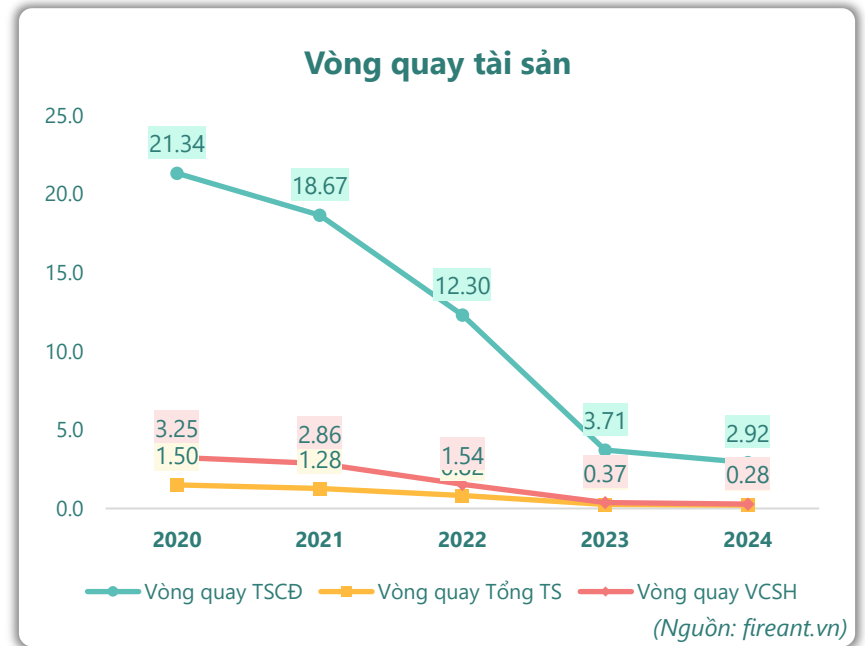
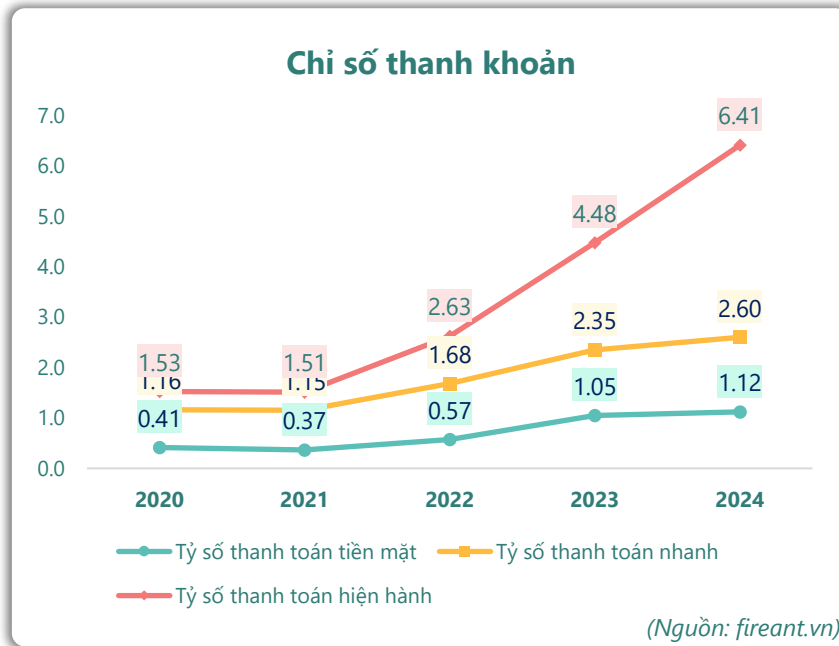
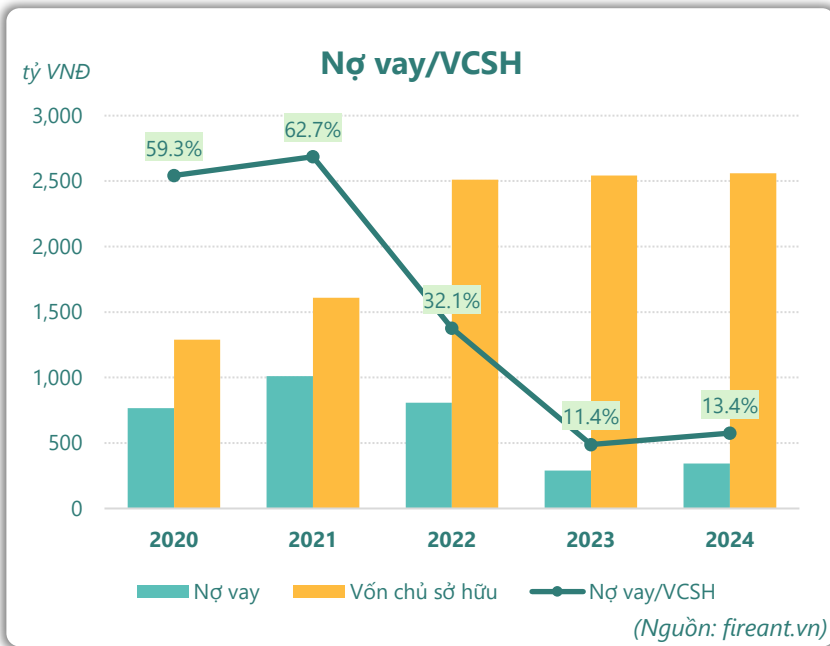
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	126	221	-43.0%	711	936	-24.1%
Giá vốn hàng bán	103	174	-40.6%	565	875	-35.5%
Lợi nhuận gộp	22.7	47.2	-51.8%	146	61.1	139%
Doanh thu HĐTC	15.8	8.38	88.2%	70.7	110	-35.9%
Chi phí TC	1.99	7.13	-72.2%	43.6	62.4	-30.2%
Chi phí lãi vay	0	0.77	-100%	2.14	9.42	-77.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		-0.05	-0.05	4.9%
Chi phí bán hàng	1.02	1.72	-40.8%	5.88	4.77	23.3%
Chi phí QLDN	30.0	43.0	-30.3%	169	155	8.9%
LN thuần từ HĐKD	5.55	3.75	48.0%	-1.60	-51.1	96.9%
Lợi nhuận khác	-0.23	5.11	-105%	54.9	101	-45.7%
LN trước thuế	5.32	8.86	-39.9%	53.3	50.0	6.5%
Lợi nhuận sau thuế	2.10	7.22	-70.8%	27.6	28.9	-4.3%
LNST của CĐ cty mẹ	2.87	5.19	-44.8%	26.1	28.5	-8.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-28.6	-65.6	14.9	-37.6	-70.2	-86.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	222	-48.2	-23.4	-29.7	126	-245
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-61.3	88.1	11.5	-62.1	15.6	303
Tiền đầu kỳ	542	565	539	542	413	484
Lưu chuyển tiền thuần	132	-25.7	3.01	-129	71.7	-28.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.05	-0.03	0.08	0
Tiền cuối kỳ	675	539	542	413	484	456

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,468	3,262	6.3%
Tài sản ngắn hạn	2,974	2,771	7.3%
Tiền và tương đương tiền	456	484	-5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	522	280	86.4%
Phải thu ngắn hạn	258	272	-5.1%
Hàng tồn kho	1,676	1,647	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	60.8	87.7	-30.7%
Tài sản dài hạn	495	491	0.7%
Phải thu dài hạn	2.10	2.06	1.7%
Tài sản cố định	237	238	-0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.9	37.3	12.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.9	44.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	76.3	76.9	-0.8%
Lợi thế thương mại	91.9	91.9	0.0%
Nợ phải trả	921	701	31.3%
Nợ ngắn hạn	360	432	-16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.5	76.5	14.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	131	242	-45.9%
Nợ dài hạn	561	269	108%
Vay và nợ thuê dài hạn	559	267	109%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,547	2,561	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	2,547	2,561	-0.5%
Vốn điều lệ	1,016	1,016	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

